

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHƯỚC LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 05/2016/NQ-HĐND

Phước Long, ngày 30 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2017

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG
KHÓA III, KỲ HỌP THỨ BA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

Căn cứ Nghị quyết số 08/2015/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long về kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 11/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017;

Xét Tờ trình số 123/TTr-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thị xã về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân thị xã và ý kiến của các vị đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2016 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2017 với các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân thị xã. Trong đó, nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu như sau:

1. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2016:

Năm 2016 là năm đầu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2016 – 2020, vì vậy ngay từ đầu năm, Ủy ban nhân dân thị xã đã tập trung chỉ đạo, xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong năm và cả giai đoạn, xác định một số dự án trọng điểm mang tính quyết định phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, làm tiền đề cho những năm tiếp theo, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu Nghị quyết đại hội Đảng bộ thị xã Phước Long lần thứ XI đề ra. Trong năm 2016, Ủy ban nhân dân thị xã thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển Kinh tế - xã hội của địa phương, đảm bảo công tác quốc phòng, an ninh; tổ chức giao quân đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định và giữ vững. Thu ngân sách đạt và vượt chỉ tiêu, chi ngân sách đúng quy định. Thực hiện tốt công tác giáo dục đào tạo, công tác khám điều trị bệnh cho nhân dân, tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao phục

vụ nhân dân trên địa bàn. Công tác an sinh xã hội đã được các cơ quan, ban ngành, đoàn thể, xã, phường phối hợp thực hiện tốt. Công tác thi hành án dân sự có chuyển biến.

Bên cạnh những kết quả đạt được vẫn còn một số hạn chế như: Sản xuất công nghiệp tăng chậm, sản xuất nông nghiệp giảm, một số mặt hàng nông sản mất mùa, đạt sản lượng thấp; Công tác thu nợ đọng gặp nhiều khó khăn; Còn 03/20 chỉ tiêu không đạt Nghị quyết Hội đồng nhân dân thị xã (giá trị sản xuất nông lâm nghiệp - thủy sản, tỷ lệ trường chuẩn quốc gia và tỷ lệ khu dân cư văn hóa). Tình trạng thu và chi từ quỹ do Hội phụ huynh học sinh đóng góp, một số nguồn quỹ khác ở một số trường chưa đúng quy định; Tình trạng cháy rừng, đốt pháo trong dịp Tết Nguyên đán vẫn còn xảy ra. Việc thực hiện Nghị quyết 03 của Thị ủy và Chương trình hành động số 01 của Ủy ban nhân dân thị xã “về chỉnh trang đô thị trong tình hình mới” và công tác vệ sinh môi trường trên địa bàn thị xã còn hạn chế, tồn tại. Việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính có lúc, có nơi chưa nghiêm; Công tác tuyên quân năm 2016 đạt chỉ tiêu đề ra tuy nhiên vẫn còn tình trạng trốn tránh khỏi địa phương không chấp hành Luật nghĩa vụ quân sự và còn có đơn thư khiếu nại trong công tác tuyên quân.

Ủy ban nhân dân thị xã cần tập trung điều hành quyết liệt hơn nữa nhằm từng bước khắc phục những tồn tại, khó khăn nêu trên trong năm 2017.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu năm 2017 (Có bảng phụ lục kèm theo).

2.1. Các chỉ tiêu về kinh tế:

- Giá trị sản xuất công nghiệp tăng 8% – 10% so với thực hiện năm 2016.
- Giá trị sản xuất nông lâm nghiệp - thủy sản tăng 2% – 3% so với thực hiện năm 2016.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa tăng 16% - 18%/năm so với thực hiện năm 2016.
- Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 18%-20% so với thực hiện năm 2016.
- Thu ngân sách tăng trên 5% so với dự toán tỉnh giao.

2.2. Các chỉ tiêu về xã hội.

- Tỷ suất giảm sinh 0,2‰
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1,1%
- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ đạt 98%
- Tỷ lệ xã - phường đạt tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%
- Số giường bệnh/10.000 dân đạt 40 giường/10.000
- Số bác sỹ/10.000 dân đạt 7,6 bác sỹ/10.000
- Tỷ lệ trẻ 5 tuổi đi học mẫu giáo đạt 95%
- Tỷ lệ học sinh trung học cơ sở đi học đúng độ tuổi đạt 91,7%
- Duy trì số trường đạt chuẩn hiện có, phấn đấu tăng thêm 01 trường đạt chuẩn theo quy định.
- Duy trì các khu dân cư văn hóa hiện có, phấn đấu tăng thêm 01 khu dân cư đạt khu dân cư văn hóa theo quy định.
- Tỷ lệ hộ gia đình đạt gia đình văn hóa đạt 96%
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 33%

- Thu hút, giải quyết việc làm đạt 2.710 lao động
- Tỷ lệ hộ nghèo 1,44% (giảm 24 hộ)
- Tuyển quân đạt 100% kế hoạch trên giao, về quân số, chất lượng đảm bảo yêu cầu.

3. Nhiệm vụ và giải pháp thực hiện.

3.1. Về công nghiệp: Tập trung phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản, khuyến khích phát triển các cơ sở công nghiệp. Tạo điều kiện hỗ trợ cho các doanh nghiệp; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nhằm đưa giá trị sản xuất công nghiệp tăng trưởng theo đúng nghị quyết của Hội đồng nhân dân thị xã.

3.2. Thương mại, dịch vụ: Tiếp tục kêu gọi đầu tư xã hội hóa các công trình: Nâng cấp Trung tâm thương mại Phước Long, xây dựng trung tâm thương mại, siêu thị tại khu trung tâm hành chính mới, đầu tư Dự án khu vui chơi giải trí Hồ Long Thủy, hồ đập Đăk Tôn.

3.3. Nông, lâm nghiệp, thủy sản: Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phòng trừ sâu bệnh trên các loại cây trồng, vật nuôi; tăng cường kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm, vệ sinh thú y, kiểm soát tình hình dịch bệnh trên gia súc, gia cầm. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ, phòng, chống cháy rừng núi Bà Rá. Xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí còn lại để xã Phước Tín về đích xã nông thôn mới năm 2017 theo đúng kế hoạch của tỉnh.

3.4. Công tác quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường: Tập trung đo đạc các dự án đã được duyệt và giải quyết kịp thời nhu cầu đo đạc, tách thửa, giải quyết hồ sơ đất đai cho nhân dân. Tổ chức kiểm tra công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên nước, môi trường.

3.5. Công tác quản lý quy hoạch, xây dựng cơ bản: Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình xây dựng cơ bản theo kế hoạch. Tập trung chỉ đạo thực hiện dự án Trung tâm hành chính và Khu đô thị mới theo đúng tiến độ, hoàn thành công tác giải tỏa. Tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết 03-NQ/TU của Thị ủy và chương trình hành động 01/CTHĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thị xã về chỉnh trang đô thị trong tình hình mới gắn với công tác vệ sinh, môi trường, văn minh đô thị.

3.6. Công tác tài chính: Tăng cường khai thác tốt các nguồn thu, chống thất thu ngân sách đặc biệt trong lĩnh vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh. Rà soát, nắm chắc các nguồn thu và đối tượng thu nộp ngân sách trên địa bàn. Đẩy mạnh việc xử lý, thu để giảm nợ đọng thuế. Thực hiện đúng các nhiệm vụ chi theo quy định, tăng cường kiểm tra việc thực hiện thu chi ngân sách theo phân cấp.

3.7. Về công tác giáo dục - đào tạo: Triển khai kế hoạch đầu tư xây dựng trường chuẩn quốc gia giai đoạn 2016 – 2021. Tiếp tục thực hiện công tác xóa mù chữ - phổ cập giáo dục. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc vận động các khoản thu trong trường học và công tác dạy thêm, học thêm.

3.8. Về lao động, giải quyết việc làm, thực hiện chính sách an sinh xã hội: Đảm bảo giải quyết các chế độ chính sách cho các đối tượng kịp thời, đúng quy định. Tiến hành tuyên truyền phổ biến pháp luật cho người lao động và người sử dụng lao động. Thực hiện tốt công tác chăm sóc, bảo vệ trẻ em theo Kế hoạch. Từng bước sửa chữa, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ.

3.9. Về công tác y tế: Tiếp tục nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, thực hiện các biện pháp quản lý hoạt động khám, chữa bệnh. Duy trì thực hiện đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2016 - 2020 đạt 100%. Thực hiện các chương trình mục tiêu về dân số - kế hoạch hóa gia đình đồng bộ, hiệu quả. Tăng cường công tác quản lý về cung cấp dịch vụ y tế, thuốc chữa bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm.

3.10. Về công tác văn hóa và thông tin: Tập trung tuyên truyền kịp thời đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước; tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ chào mừng các sự kiện, các ngày lễ lớn trong năm. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực văn hóa.

3.11. Về công tác dân tộc, tôn giáo: Quản lý tốt hoạt động của các tổ chức tôn giáo trên địa bàn; giải quyết kịp thời nhu cầu tôn giáo đúng thẩm quyền và quy định của pháp luật. Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, dự án về chính sách đồng bào dân tộc kịp thời, đúng quy định.

3.12. Về quốc phòng, an ninh: Tiếp tục giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội và đẩy mạnh phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện công tác tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ đạt chỉ tiêu tình giao.

3.13. Về công tác nội vụ: Thực hiện tốt công tác quản lý cán bộ công chức, viên chức, đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực; Thực hiện tốt việc quản lý nhà nước về công tác thanh niên, công tác thi đua khen thưởng. Tăng cường công tác kiểm tra kỷ cương, kỷ luật hành chính.

3.14. Công tác thanh tra, Tiếp công dân: Thực hiện tốt thanh tra, công tác tiếp công dân, tiếp nhận và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị của công dân.

3.15. Công tác tư pháp: Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật rộng rãi đến mọi tầng lớp nhân dân.

3.16. Công tác thi hành án dân sự: Tập trung chỉ đạo thi hành các bản án có hiệu lực pháp luật một cách kịp thời, đúng pháp luật.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện; Thường trực Hội đồng nhân dân, Hai Ban Hội đồng nhân dân thị xã và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã Phước Long khóa III, kỳ họp thứ ba thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 05 tháng 01 năm 2017.

Nơi nhận:

- TT.HĐND, UBND tỉnh;
- ĐB HĐND tỉnh (Tổ số 3);
- Sở Tư pháp, TTCB tỉnh;
- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN thị xã;
- Các ĐB.HĐND, TV.UBND;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể;
- HĐND - UBND các xã, phường;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH 



Nguyễn Hoàng Châu

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP NĂM 2017
(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2016/NQ-HĐND ngày 30 / 12/2016 của HĐND thị xã)

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch chung của thị xã	Trong đó							
				Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín	
A	TRỒNG TRỌT (I+II)	HA	7.933,4	181,8	610,8	856,0	878,0	1.152,6	2.129,0	2.125,2	
I	TỔNG DTGT CÂY HÀNG NĂM	HA	216,4	3,8	15,8	119,0	9,0	15,6	35,0	18,2	
I.1	Cây lương thực	Ha	170,3	0,5	13,0	99,0	5,0	13,0	25,8	14,0	
1	Diện tích cây lương thực có hạt	Ha	155,0	0,2	1,0	98,0	3,0	13,0	25,8	14,0	
	<i>Diện tích lúa gieo trồng</i>	<i>Ha</i>	<i>142,0</i>	-	-	<i>93,0</i>	-	<i>13,0</i>	<i>24,0</i>	<i>12,0</i>	
	<i>Sản lượng</i>	<i>Tấn</i>	<i>596,4</i>	-	-	<i>390,6</i>	-	<i>66,3</i>	<i>93,6</i>	<i>48,0</i>	
1,1	Lúa ruộng	Ha	142,0			93,0		13,0	24,0	12,0	
	Năng suất	Tạ/ha	42,0			42,0		51,0	39,0	40,0	
	Sản lượng	Tấn	596,4			390,6		66,3	93,6	48,0	
1,2	Lúa nương	Ha									
	Năng suất	Tạ/ha									
	Sản lượng	Tấn									
1,3	Bấp	Ha	13,0	0,2	1,0	5,0	3,0		1,8	2,0	
	Năng suất	Tạ/ha	30,1	30,0	30,0	30,0	30,0		30,0	30,0	
	Sản lượng	Tấn	39,1	0,6	3,0	15,0	9,0		5,4	6,0	
2	Các loại cây chất bột	Ha	15,3	0,3	12,0	1,0	2,0				
2,1	Khoai lang	Ha	0,3	0,3							
	Năng suất	Tạ/ha	110,0	110,0							
	Sản lượng	Tấn	3,3	3,3							
2,2	Khoai mỳ	Ha	15,0		12,0	1,0	2,0				

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Kế hoạch chung của thị xã	Trong đó						
				Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tía
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	326,0		94,0	3,0	27,0	28,0	13,0	161,0
	Năng suất (nhân)	Tạ/ha	20,0		20,0	20,0	20,0	20,0	20,0	20,0
	Sản lượng	Tấn	652,0		188,0	6,0	54,0	56,0	26,0	322,0
3	Cây tiêu									
	Tổng diện tích	Ha	81,0	4,0	13,0	7,0	14,0	3,0	7,0	33,0
	Diện tích trồng mới	Ha								
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	58,0	3,0	7,0	7,0	14,0	3,0	5,0	19,0
	Năng suất	Tạ/ha	26,4	26,3	26,8	26,0	26,6	26,5	26,0	26,5
	Sản lượng	Tấn	153,4	7,9	18,8	18,2	37,2	7,9	13,0	50,4
4	Cao su									
	Tổng diện tích	Ha	1.915,0	11,0	200,0	135,0	233,0	595,0	325,0	416,0
	Diện tích trồng mới	Ha								
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	1.863,0	11,0	187,0	123,0	233,0	577,0	320,0	400,0
	Năng suất	Tạ/ha	17,8	17,8	18,0	17,6	17,7	18,0	18,0	17,8
	Sản lượng (mủ khô)	Tấn	3.319,9	19,6	336,6	216,5	412,4	1.038,6	576,0	712,0
5	Cà cao									
	Tổng diện tích	Ha	9,0		2,0			4,0	3,0	
	Diện tích trồng mới	Ha								
	Diện tích cho sản phẩm	Ha	9,0		2,0			4,0	3,0	
	Năng suất	Tạ/ha	13,0		13,0			13,0	13,0	
	Sản lượng	Tấn	11,7		2,6			5,2	3,9	
II.2	Diện tích cây ăn trái lâu năm	Ha	168,0		40,0	9,0	15,0	22,0	10,0	72,0
B	CHĂN NUÔI									
1	Dàn Trâu	Con	12,0			12,0				
2	Dàn Bò	Con	790,0	30,0	75,0	290,0	30,0	80,0	210,0	75,0
3	Dàn Heo	Con	5.760,0	190,0	775,0	950,0	775,0	720,0	1.640,0	710,0
4	Dàn Gia cầm	1000con	48.200,0	3.650,0	2.000,0	5.950,0	7.450,0	4.800,0	12.500,0	11.850,0

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2016/NQ-HĐND ngày 30/12/2016 của HĐND thị xã)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2017
	Giá trị SXCN (Giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	6.619-6.742
	Phân theo ngành kinh tế	Tỷ đồng	
	Khu vực nhà nước	Tỷ đồng	401
	Khu vực ngoài nhà nước	Tỷ đồng	6.128-6.341
	Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	Tỷ đồng	
I	Sản phẩm chủ yếu		
1	Đá xây dựng các loại	1.000 m ³	3.495
2	Hạt điều nhân	Tấn	52.340
3	Điện sản xuất	Tr.KWh	756
II	Sản phẩm khác (trừ sản phẩm do doanh nghiệp đầu tư nước ngoài sản xuất)	Tỷ đồng	

KẾ HOẠCH DÂN SỐ

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 30/12/2016 của HĐND thị xã)

TT	Chi tiêu	Đơn vị	Chi tiêu chung của thị xã	Trong đó							
				Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín	
1	Dân số đầu kỳ	Người	52,637	7,578	5,778	4,384	15,634	8,474	3,669	7,120	
2	Dân số cuối kỳ	Người	53,332	7,685	5,864	4,445	15,820	8,580	3,722	7,216	
3	Dân số trung bình	Người	52,985	7,632	5,821	4,415	15,727	8,527	3,695	7,168	
4	Tỷ suất sinh	‰	13,95	13,86	13,69	13,42	14,21	12,44	16,27	14,64	
5	Tỷ lệ sinh con thứ 3+	%	10,16	5,66	6,33	9,26	11,89	11,71	8,20	13,25	
6	Tỷ suất chết	‰	2,96	1,96	2,75	2,72	2,92	3,16	3,78	3,76	
7	Tỷ suất tăng tự nhiên	‰	10,99	11,90	10,94	10,70	11,29	9,28	12,49	10,88	
8	Tỷ suất giảm sinh	‰	0,2	0,2	0,15	0,2	0,2	0,2	0,3	0,2	
9	Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3+	%	0,5	Duy trì	Duy trì	0,9	0,9	0,9	Duy trì	0,8	
10	Tỷ lệ phát triển dân số	%	1,31	1,39	1,47	1,38	1,18	1,23	1,42	1,33	
11	Số người mới sử dụng BPTT	Người	3,253	458	392	375	749	512	358	409	

KẾ HOẠCH GIƯỜNG BỆNH

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 30/12/2016 của HĐND thị xã)

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Ghi chú
1	Giường bệnh viện		
2	Giường bệnh tạiTTYT	200	
3	Giường Phòng khám khu vực	10	
4	Giường Trạm Y tế	35	

KẾ HOẠCH SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO

(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2016/NQ-HĐND ngày 30 / 12/2016 của HĐND thị xã)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu chung của thị xã	Trong đó								
				Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín		
I	Nhà trẻ											
	- Số cháu	Cháu	100	69	31							
	- Số cô	Cô	8	6	2							
II	Mẫu Giáo											
	- Số học sinh	Học sinh	2.237	448	414	212	465	274	128	296		
	<i>Trong đó: học sinh dân tộc thiểu số</i>	Học sinh	18	-	1	-	-	-	16	1		
	- Số lớp	Lớp	81	16	7	8	24	11	3	12		
	- Số giáo viên	Giáo viên	175	40	14	16	57	22	4	22		
	- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đi học mẫu giáo	%	61,5	60,6	82,4	84,0	58,7	58,7	38,3	47,8		
III	Phổ thông											
I	Tổng số học sinh đầu năm học	Học sinh	9.038									
	- Tiểu học	Học sinh	5.794		1069	420	2228	884	280	913		
	<i>trong đó: học sinh dân tộc thiểu số</i>	Học sinh	240		25	27	56	27	58	47		
	- Trung học cơ sở	Học sinh	3.244		1030	469	430	789		526		
2	Tổng số lớp	Lớp	316									
	- Tiểu học	Lớp	210	22	30	16	70	26	14	32		
	- Trung học cơ sở	Lớp	106		30	14	17	26		19		

3	Tổng số giáo viên	Giáo viên	379	33	74	44	46	76	20	86
	- Tiểu học	Giáo viên	246	33	46	17	46	36	20	48
	- Trung học cơ sở	Giáo viên	133		28	27		40		38
4	Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi									
	- Tiểu học	%	93,8	92,4	95,6	92,3	91,8	98,7	92,4	93,4
	- Trung học cơ sở	%	91,7	97,2	92,1	90,1	90,2	92,1	90,2	90,1
5	Số xã, phường có trường tiểu học, nhà trẻ, mẫu giáo	xã	7							
	Tỷ lệ % trên tổng số xã, phường	%	100,0							
6	Số học sinh được phổ cập giáo dục	h/sinh	0							
7	Số xã đạt phổ cập THCS	xã	7							
	Tỷ lệ xã đạt phổ cập THCS	%	100							

KẾ HOẠCH NGÀNH VĂN HÓA - THỂ THAO

(Kèm theo Nghị quyết số 05 /2016/NQ-HĐND ngày 30 / 12/2016 của HĐND thị xã)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu chung của thị xã	Trong đó						
				Phường Long Thủy	Phường Thác Mơ	Phường Sơn Giang	Phường Long Phước	Phường Phước Bình	Xã Long Giang	Xã Phước Tín
1	Tỷ lệ khu dân cư văn hóa	%	92,86	100	80	100	81,80	100	100	100
2	Số khu dân cư văn hóa	Khu DC	39	5	4	3	9	7	5	6
3	Tỷ lệ hộ gia đình đạt Gia đình văn hóa	%	96,00	96,20	97,00	95,00	95,30	96,00	95,00	96,80
4	Tỷ lệ xã, phường có Trạm truyền thanh	%	100							
5	Tỷ lệ dân số thường xuyên tập thể dục	%	33	44	41	28	42	40	22	27
6	Tỷ lệ số hộ đạt gia đình thể thao	%	32	42	39	27	33	39	24	26